

Số: /TB-UBND

Lạc Phương, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương

Căn cứ Quyết số 2127/QĐ-UBND ngày 06/6/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

Ủy ban nhân dân xã Lạc Phương thực hiện niêm yết công khai danh mục 68 thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã (*Có phụ lục chi tiết đính kèm*) tại Trung tâm phục vụ Hành chính công, cổng thông tin điện tử xã Lạc Phương, địa chỉ: <https://lacphuong.haiphong.gov.vn/phong-kinh-te-89410>.

Ủy ban nhân dân xã Lạc Phương thông báo để các phòng, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân có liên quan và toàn thể nhân dân biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Trung tâm PVHCC;
- Cổng TTĐT;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đỗ Văn Thắng

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
VÀ BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân xã)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI (PHÂN CẤP) (03 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (03 TTHC)							
A1. LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ (01 TTHC)							
1.	2.000578	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	+ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15. + Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương. + Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh

A2. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU (02 TTTC)							
1.	2.001282	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đã có quyết định tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.
2.	1.013771	Thủ tục cấp giấy phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (03 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (03 TTHC)							
LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU (03 TTHC)							
1.	1.000957	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	2,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	+ Luật Quản lý ngoại thương; + Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. + Thông tư số 12/2018/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương + Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
2.	1.000905	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	2,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm	Không quy định	+ Luật Quản lý ngoại thương; + Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

					Phục vụ hành chính công cấp xã		+ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. + Thông tư số 12/2018/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương + Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
3.	1.013778	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	+ Luật Quản lý ngoại thương; + Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. + Nghị quyết số 66.18/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (62 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định TTHC bãi bỏ
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (53 TTHC)			
A1. LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG (03 TTHC)			
1.	2.000604	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
2.	2.001675	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	
3.	2.001665	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	
A2. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ (06 TTHC)			
1.	1.000475	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
2.	1.000455	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG	
3.	1.000742	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG.	
4.	2.000304	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini.	
5.	1.000709	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini.	
6.	1.000704	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	

A3. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG (05 TTHC)			
1.	1.004021	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	
2.	1.003992	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
3.	2.001646	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
4.	2.001630	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
5.	1.004007	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	
A4. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (39 TTHC)			
1.	2.001424	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
2.	1.000510	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	
3.	1.000491	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	
4.	1.005184	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	
5.	1.005372	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	
6.	1.000649	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	
7.	1.000706	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	

8.	1.000387	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG
9.	2.000146	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG
10.	2.000142	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
11.	2.000136	Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
12.	2.000078	Cấp điều chỉnh Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
13.	2.000073	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
14.	2.000207	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
15.	2.000201	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
16.	2.000194	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
17.	2.000187	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
18.	2.000175	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
19.	2.000196	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
20.	1.000425	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải

21.	2.000180	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải		
22.	2.000166	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG		
23.	2.000156	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG		
24.	2.000390	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG		
25.	2.000387	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải		
26.	2.000376	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải		
27.	2.000371	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải		
28.	2.000354	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG		
29.	2.000279	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG		
30.	1.000481	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG		
31.	2.000163	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải		Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
32.	1.000444	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải		
33.	2.000211	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải		

34.	1.003977	Cấp Giấy phép phân phối rượu	
35.	1.005376	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	
36.	1.003101	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	
37.	2.001624	Cấp Giấy phép bán buôn rượu	
38.	2.001619	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu	
39.	2.000636	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu	
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (09 TTHC)			
B1. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (06 TTHC)			
1.	2.001283	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
2.	2.001270	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
3.	2.001261	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
4.	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	
5.	2.001240	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	
6.	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	
B2. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG (03 TTHC)			
1.	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
2.	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
3.	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	

